

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho cơ quan thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Bình Phước

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC
KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI MỘT**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28/8/2001 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện;

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 108/TTr-UBND ngày 17/11/2014; Báo cáo thẩm tra số 60/BC-HĐND-KTNS ngày 24/11/2014 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho cơ quan thu phí sử dụng đường bộ đối với các loại xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe tương tự (sau đây gọi chung là xe mô tô) trên địa bàn tỉnh, với các nội dung sau:

1. Phạm vi điều chỉnh: Mức thu, tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho đơn vị thu phí và chế độ sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện đối với xe mô tô trên phạm vi địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng chịu phí: Xe mô tô.
3. Đối tượng nộp phí: Tổ chức, cá nhân sở hữu, sử dụng hoặc quản lý phương tiện là xe mô tô.
4. Đơn vị tổ chức thu phí: Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn.
5. Mức thu phí:
 - a) Xe mô tô có dung tích xy lanh đến 100 cm³: 50.000 đồng/xe/năm.
 - b) Xe .. mô tô có dung tích xy lanh trên 100 cm³: 100.000 đồng/xe/năm.
6. Tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho đơn vị thu phí và chế độ sử dụng:
 - a) Đối với phường, thị trấn được để lại 10% số phí sử dụng đường bộ thu được; đối với xã được để lại 20% số phí thu được để trang trải chi phí cho hoạt động tổ chức thu theo quy định.
 - b) Toàn bộ nguồn thu từ phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô hàng năm sau khi trừ tỷ lệ phần trăm cho người đi thu, nộp toàn bộ vào ngân sách huyện, thị xã và được sử dụng như sau: 50% dùng để chi cho Ủy ban nhân dân xã đầu tư đường giao thông nông thôn theo Chương trình xây dựng nông thôn mới và 50% để duy tu, sửa chữa các tuyến đường thuộc huyện, thị xã quản lý.

7. Những nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2012/NĐ-CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ về Quỹ bảo trì đường bộ; Nghị định số 56/2014/NĐ-CP ngày 30/5/2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2012/NĐ-CP; Thông tư số 133/2014/TT-BTC ngày 11/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ theo đầu phương tiện và các văn bản pháp luật có liên quan.

Điều 2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 05/2013/NQ-HĐND ngày 22/7/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu và tỷ lệ phần trăm (%) để lại cho cơ quan thu phí sử dụng đường bộ đối với xe mô tô trên địa bàn tỉnh Bình Phước.


Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực HĐND tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước khóa VIII, kỳ họp thứ mười một thông qua ngày 05 tháng 12 năm 2014 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2015.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính, Bộ Tư pháp (Cục KTVB);
- TU, TT.HĐND, UBND, Đoàn ĐBQH, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- LĐVP, Phòng CTHĐND;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH *th*



Nguyễn Tấn Hưng

Nguyễn Tấn Hưng